

Số: **35** /2017/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày **29** tháng **12** năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định việc quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Căn cứ Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/01/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định việc quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, bao gồm: tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đăng ký hợp đồng cung ứng lao động, đăng ký thông tin doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, vận hành hệ thống báo cáo về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cục Quản lý lao động ngoài nước, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- b) Trung tâm Thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- c) Trung tâm lao động ngoài nước, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương;

đ) Bộ phận quản lý lao động trực thuộc cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (gọi tắt là Bộ phận quản lý lao động thuộc CQĐD);

e) Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

g) Doanh nghiệp có giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

h) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc vận hành, quản lý, khai thác sử dụng thông tin của cơ sở dữ liệu.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Cơ sở dữ liệu về người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là phần mềm có khả năng tập hợp dữ liệu, cấu trúc các thông tin liên quan đến hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Cơ sở dữ liệu cho phép các đối tượng truy nhập, cập nhật thông tin, truy xuất và sử dụng dữ liệu để quản lý, phân tích, đánh giá và định hướng các hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có địa chỉ tên miền là csdl.dolab.gov.vn.

3. Hồ sơ nêu tại các Điều 4, 5, 6, 7 của Thông tư này là các loại giấy tờ được chuyển đổi sang bản điện tử dạng portable document format (pdf), document (doc, docx) hoặc joint photographic experts group (jpg) việc chuyển đổi phải đảm bảo phản ánh toàn vẹn nội dung của bản giấy.

Điều 3. Quy định về truy cập, cơ chế an toàn, bảo mật, sử dụng và chia sẻ thông tin

1. Tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư này đăng ký thông tin và khởi tạo tài khoản để truy cập cơ sở dữ liệu.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thay đổi mật khẩu sau khi được cấp tài khoản, bảo mật thông tin tài khoản;

b) Khai thác, sử dụng dữ liệu đúng mục đích trong phạm vi được phân quyền theo quy định; không được truy cập trái phép vào cơ sở dữ liệu;

c) Quản lý nội dung các thông tin dữ liệu đã khai thác: người sử dụng không được cung cấp thông tin dữ liệu trên cơ sở dữ liệu cho tổ chức, cá nhân

khác sử dụng sai mục đích trừ trường hợp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho phép;

d) Không được thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ thông tin, dữ liệu, không được tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm với mục đích phá hoại cơ sở dữ liệu;

đ) Thông báo kịp thời cho Cục Quản lý lao động ngoài nước về những lỗi cơ sở dữ liệu để khắc phục.

Chương II

VẬN HÀNH, TÁC NGHIỆP VÀ KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 4. Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Doanh nghiệp đăng nhập cơ sở dữ liệu bằng tài khoản đã cấp, truy cập vào mục “Cấp mới giấy phép” để cập nhật đầy đủ thông tin vào tờ khai đề nghị cấp giấy phép; đăng tải (upload) hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng qua cơ sở dữ liệu.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép qua cơ sở dữ liệu, cơ quan cấp giấy phép trả lời trên cơ sở dữ liệu về việc hồ sơ của doanh nghiệp là phù hợp hoặc chưa phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp chưa phù hợp thì cơ quan cấp giấy phép phải nêu rõ lý do và yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung giấy tờ theo yêu cầu.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trả lời hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp phù hợp, doanh nghiệp nộp bản gốc hồ sơ tại cơ quan cấp giấy phép để kiểm tra, đối chiếu và lưu theo quy định.

a) Trường hợp bản gốc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không đúng với tờ khai và hồ sơ đã đăng tải vào cơ sở dữ liệu, cơ quan cấp giấy phép trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản gốc hồ sơ.

b) Trường hợp bản gốc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đúng với tờ khai và hồ sơ đã đăng tải vào cơ sở dữ liệu thì cơ quan cấp giấy phép phải ban hành công văn lấy ý kiến những người có thẩm quyền quy định tại điểm a, b, c Khoản 2 Điều 10 của Luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản gốc hồ sơ.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn trả lời của những người có thẩm quyền quy định tại điểm a, b, c Khoản 2 Điều 10 của Luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cơ quan cấp giấy phép phải cấp giấy phép cho doanh nghiệp. Trường hợp không cấp giấy phép cho doanh nghiệp thì cơ quan cấp giấy phép phải nêu rõ lý do.

5. Sau khi cấp giấy phép cho doanh nghiệp, kết quả cấp giấy phép được hiển thị trên cơ sở dữ liệu và cổng thông tin điện tử của Cục Quản lý lao động ngoài nước.

6. Tài khoản đăng ký của doanh nghiệp sẽ bị xóa khỏi cơ sở dữ liệu nếu hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không đáp ứng điều kiện và không được gia hạn hiệu lực trong vòng 30 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép phản hồi trên cơ sở dữ liệu.

Điều 5. Đổi giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thực hiện đăng nhập cơ sở dữ liệu bằng tài khoản đã được cấp; thực hiện chức năng trong mục “cấp đổi giấy phép” để điền thông tin vào tờ khai đề nghị đổi giấy phép; cập nhật các thông tin thay đổi và gửi hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng qua cơ sở dữ liệu.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đổi giấy phép qua cơ sở dữ liệu, cơ quan cấp giấy phép trả lời trên cơ sở dữ liệu kết quả hồ sơ của doanh nghiệp là phù hợp hoặc chưa phù hợp với quy định của pháp luật và nêu rõ lý do để sửa đổi, bổ sung.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị đổi giấy phép của doanh nghiệp phù hợp, doanh nghiệp nộp bản gốc hồ sơ đề nghị đổi giấy phép tại cơ quan cấp giấy phép để kiểm tra, đối chiếu và lưu theo quy định.

a) Nếu bản gốc hồ sơ đề nghị đổi giấy phép không đúng với tờ khai và hồ sơ đã gửi trên cơ sở dữ liệu, cơ quan cấp giấy phép trả lời bằng văn bản hoặc qua cơ sở dữ liệu về việc không cấp đổi giấy phép cho doanh nghiệp.

b) Nếu bản gốc hồ sơ đề nghị đổi giấy phép đúng với tờ khai và hồ sơ đã gửi trên cơ sở dữ liệu, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được bản gốc hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải trả kết quả cho doanh nghiệp.

4. Sau khi cấp đổi giấy phép cho doanh nghiệp, kết quả cấp đổi giấy phép được hiển thị trên cơ sở dữ liệu và cổng thông tin điện tử của Cục Quản lý lao động ngoài nước.

Điều 6. Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài

1. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thực hiện đăng nhập cơ sở dữ liệu bằng tài khoản truy cập đã được cấp; thực hiện chức năng trong mục “cấp lại giấy phép” để điền thông tin vào tờ khai cấp lại giấy phép và gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng qua cơ sở dữ liệu.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép qua cơ sở dữ liệu, cơ quan cấp giấy phép trả lời qua cơ sở dữ liệu kết quả hồ

sơ của doanh nghiệp là phù hợp hoặc chưa phù hợp với quy định của pháp luật và nêu rõ lý do để sửa đổi, bổ sung.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép của doanh nghiệp phù hợp, doanh nghiệp nộp bản gốc hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép tại cơ quan cấp giấy phép để kiểm tra, đối chiếu và lưu theo quy định.

a) Nếu bản gốc hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép không đúng với tờ khai và hồ sơ đã gửi trên cơ sở dữ liệu, cơ quan cấp giấy phép trả lời bằng văn bản hoặc qua cơ sở dữ liệu về việc không cấp lại giấy phép cho doanh nghiệp.

b) Nếu bản gốc hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đúng với tờ khai và hồ sơ đã gửi trên cơ sở dữ liệu, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được bản gốc hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải trả kết quả cho doanh nghiệp.

4. Sau khi cấp lại giấy phép cho doanh nghiệp, kết quả cấp lại giấy phép được hiển thị trên cơ sở dữ liệu và công thông tin điện tử của Cục Quản lý lao động ngoài nước.

Điều 7. Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động

1. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thực hiện đăng nhập cơ sở dữ liệu bằng tài khoản đã được cấp. Doanh nghiệp thực hiện chức năng trong mục “Đăng ký hợp đồng”; điền thông tin vào tờ khai đăng ký hợp đồng cung ứng lao động, gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 19 của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng qua cơ sở dữ liệu.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp qua cơ sở dữ liệu, Cục Quản lý lao động ngoài nước trả lời trên cơ sở dữ liệu kết quả hồ sơ của doanh nghiệp là phù hợp hoặc chưa phù hợp với quy định của pháp luật và nêu rõ lý do sửa đổi, bổ sung.

3. Sau khi nhận được trả lời kết quả hồ sơ đề nghị đăng ký hợp đồng của doanh nghiệp là phù hợp với quy định của pháp luật, doanh nghiệp nộp bản gốc hồ sơ đề nghị đăng ký hợp đồng cung ứng đến Cục Quản lý lao động ngoài nước để kiểm tra, đối chiếu và lưu theo quy định.

a) Nếu bản gốc hồ sơ đăng ký hợp đồng không đúng với tờ khai và hồ sơ đã gửi trên cơ sở dữ liệu, Cục Quản lý lao động ngoài nước trả lời bằng văn bản hoặc qua cơ sở dữ liệu về việc không chấp thuận đăng ký hợp đồng của doanh nghiệp.

b) Nếu bản gốc hồ sơ đăng ký hợp đồng đúng với tờ khai và hồ sơ đã gửi trên cơ sở dữ liệu, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được bản gốc hồ sơ, Cục Quản lý lao động ngoài nước phải trả kết quả cho doanh nghiệp.

4. Sau khi trả lời kết quả đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp, kết quả đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp được hiển thị trên cơ sở dữ liệu và công thông tin điện tử của Cục Quản lý lao động ngoài nước.

Điều 8. Cập nhật dữ liệu thông tin người lao động và doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thực hiện đăng nhập cơ sở dữ liệu bằng tài khoản đã được cấp; cập nhật dữ liệu thông tin người lao động trong mục “Thông tin người lao động” theo các bước sau:

- a) Tạo bản ghi mới cho người lao động được doanh nghiệp tuyển chọn;
- b) Cập nhật thông tin cá nhân của người lao động;
- c) Cập nhật thông tin liên quan đến người lao động trong quá trình đào tạo, làm việc ở nước ngoài, kết thúc hợp đồng.

2. Sở Lao động - Thương binh Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng nhập cơ sở dữ liệu bằng tài khoản đã được cấp; cập nhật dữ liệu thông tin người lao động trong mục “Thông tin người lao động” theo các bước sau:

- a) Tạo bản ghi mới cho người lao động thực hiện đăng ký hợp đồng cá nhân hoặc người lao động do doanh nghiệp đưa đi theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời hạn dưới 90 ngày;
- b) Cập nhật thông tin cá nhân của người lao động;
- c) Cập nhật thông tin hợp đồng cá nhân, hợp đồng thực tập nâng cao tay nghề có thời hạn dưới 90 ngày.

3. Trung tâm lao động ngoài nước thực hiện đăng nhập cơ sở dữ liệu bằng tài khoản đã được cấp; cập nhật dữ liệu thông tin người lao động trong mục “Thông tin người lao động” theo các bước sau:

- a) Tạo bản ghi mới cho người lao động được Trung tâm lao động ngoài nước tuyển chọn;
- b) Cập nhật thông tin cá nhân của người lao động;
- c) Cập nhật thông tin liên quan đến người lao động trong quá trình đào tạo, làm việc ở nước ngoài, kết thúc hợp đồng.

4. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thực hiện đăng nhập cơ sở dữ liệu bằng tài khoản đã được cấp; cập nhật dữ liệu cập nhật dữ liệu về chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và cơ sở đào tạo của doanh nghiệp trong các mục “Đăng ký chi nhánh”, “Văn phòng đại diện”, “Địa điểm kinh doanh” và “Cơ sở đào tạo” theo các bước sau:

- a) Tạo bản ghi mới cho chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, cơ sở đào tạo;
- b) Cập nhật các thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và cơ sở đào tạo của doanh nghiệp; gửi kèm các tài liệu liên quan.

Điều 9. Sử dụng hệ thống báo cáo

1. Cục Quản lý lao động ngoài nước sử dụng hệ thống báo cáo để tổng hợp số liệu theo chức năng quản lý nhà nước được giao.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung tâm lao động ngoài nước, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài sử dụng hệ thống báo cáo để chiết xuất dữ liệu theo mẫu định dạng của cơ sở dữ liệu theo mẫu quy định tại Thông tư 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 8 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị sử dụng cơ sở dữ liệu

1. Cục Quản lý lao động ngoài nước

a) Xây dựng, trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy chế vận hành cơ sở dữ liệu đối với các đơn vị thuộc Bộ;

b) Cấp tài khoản, phân quyền truy cập, quản lý, sử dụng và chia sẻ thông tin cho các đối tượng sử dụng cơ sở dữ liệu;

c) Lập dự toán kinh phí hàng năm phục vụ cho việc nâng cấp, duy trì các yêu cầu nghiệp vụ phù hợp với sự thay đổi của pháp luật hiện hành trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trung tâm thông tin có trách nhiệm thực hiện quản trị cơ sở dữ liệu để đảm bảo an ninh thông tin và an toàn cơ sở dữ liệu; phối hợp với Cục Quản lý lao động ngoài nước thực hiện quản lý cơ sở dữ liệu; sao lưu, bảo trì, bảo dưỡng và nâng cấp cơ sở dữ liệu.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Cập nhật thông tin người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức hợp đồng cá nhân và thực tập nâng cao tay nghề có thời hạn dưới 90 ngày;

b) Sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu theo sự phân quyền;

c) Sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu để kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoạt động trên địa bàn.

4. Bộ phận quản lý lao động thuộc CQĐD

a) Khai thác dữ liệu lao động đi làm việc ở nước ngoài theo thị trường quản lý;

b) Sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu theo sự phân quyền;

c) Sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu để kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoạt động trên địa bàn.

5. Các đơn vị quy định tại điểm c, e, g, h, i khoản 2 Điều 1 Thông tư này có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định trên cơ sở dữ liệu.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.
2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khi thực hiện đề nghị cấp, cấp lại, đổi giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đăng ký hợp đồng, đăng ký thông tin doanh nghiệp, vận hành cơ sở dữ liệu báo cáo về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có thể lựa chọn một trong hai phương án sau:

- a) Thực hiện trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
- b) Thực hiện qua cơ sở dữ liệu theo quy định tại Thông tư này.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị khác có liên quan trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc thi hành Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, có hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cổng TTĐT của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT, QLLĐNN.

